

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Thương mại Hóc Môn

Ngày 31/03/2025	26,800 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	11.5%	6.3%	24.2%

DT thuần Q1/25
246
tỷ VNĐ
QoQ: ▼16.0 -6.0%
YoY: ▲ 8.00 3.5%

LN thuần Q1/25
9.83
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.47 -13.0%
YoY: ▼0.04 -0.4%

LN sau thuế Q1/25
7.70
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.29 -14.4%
YoY: ▼0.48 -5.9%

Tỷ suất lãi EBIT Q1/25
4.2%
YoY: +/-▼ 0.1%

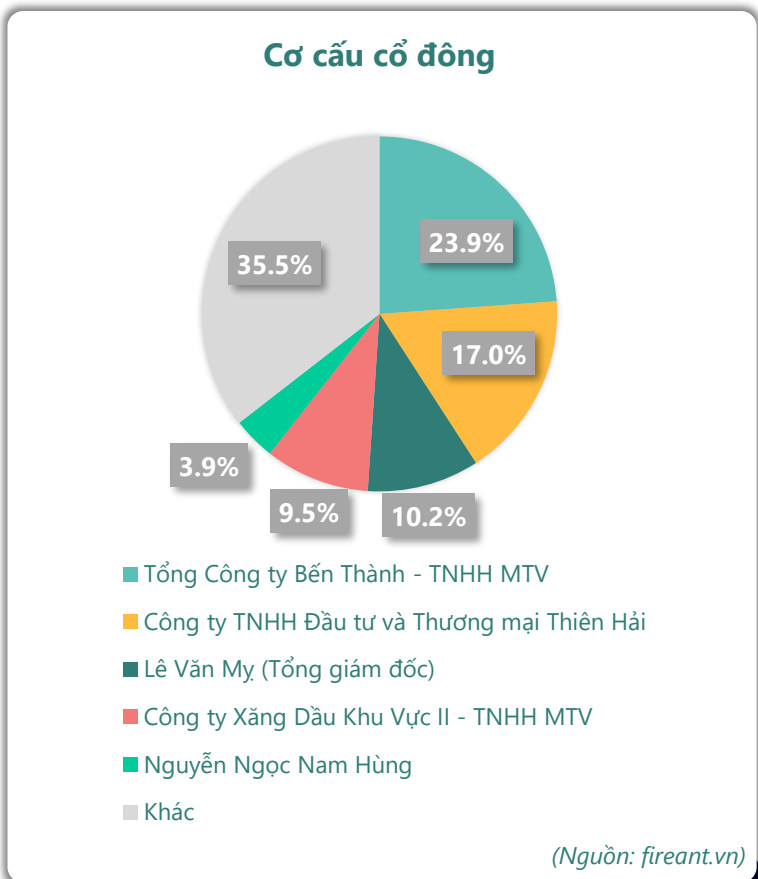
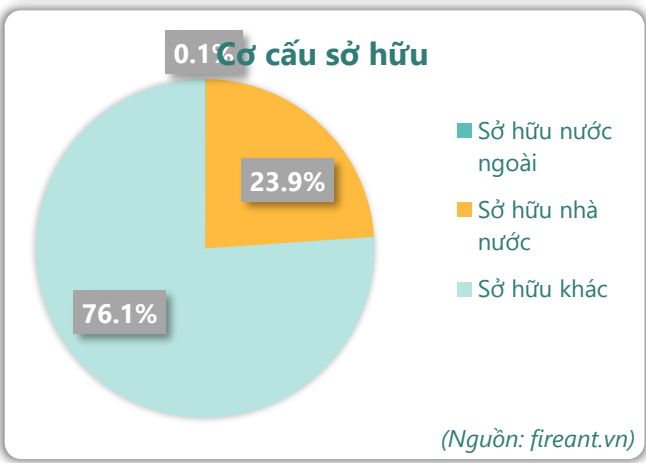
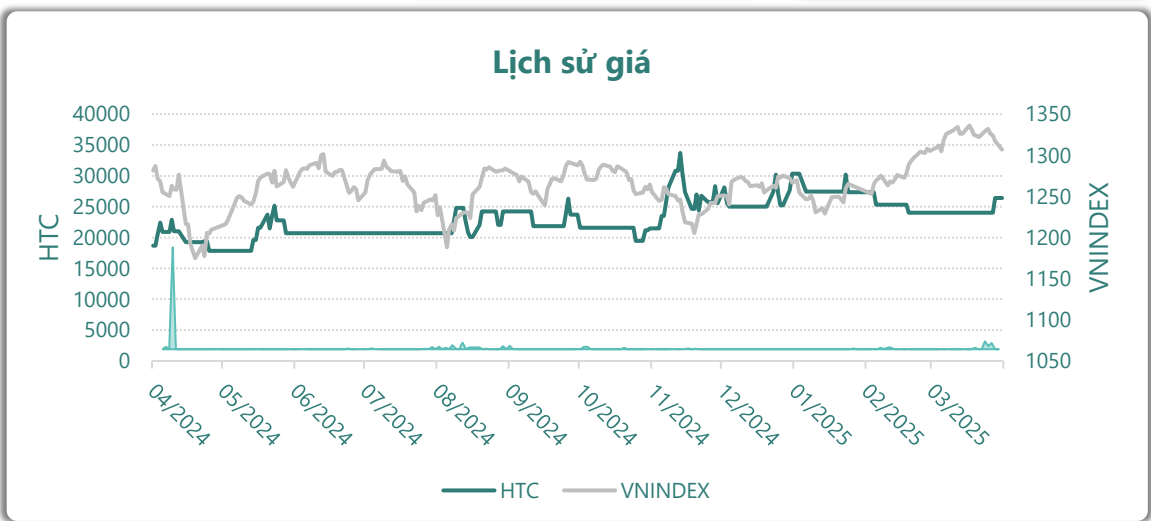
ROE (TTM) Q1/25
10.2%
YoY: +/-▼ 0.2%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	17,845 - 33,715
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	442
Số lượng CPLH (CP)	16,499,993
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,414
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	
EPS	1,828
P/E	14.7

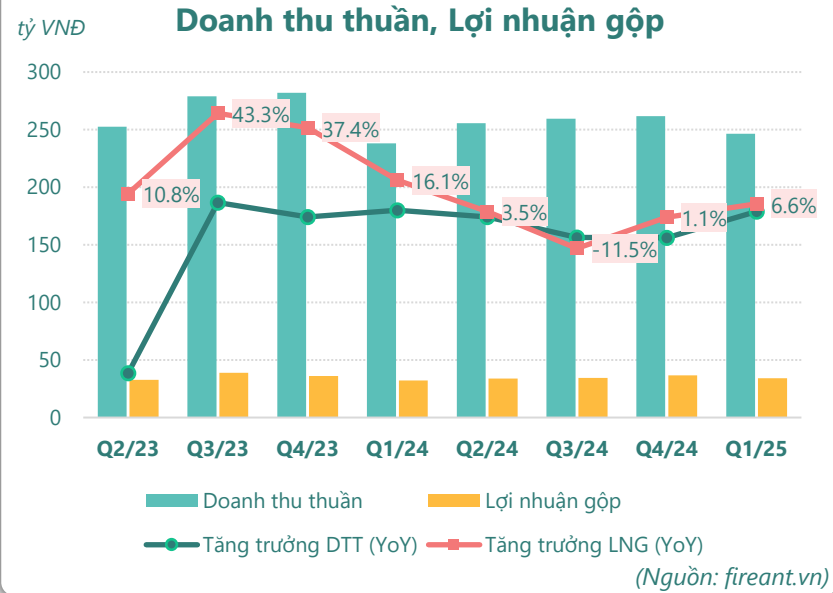
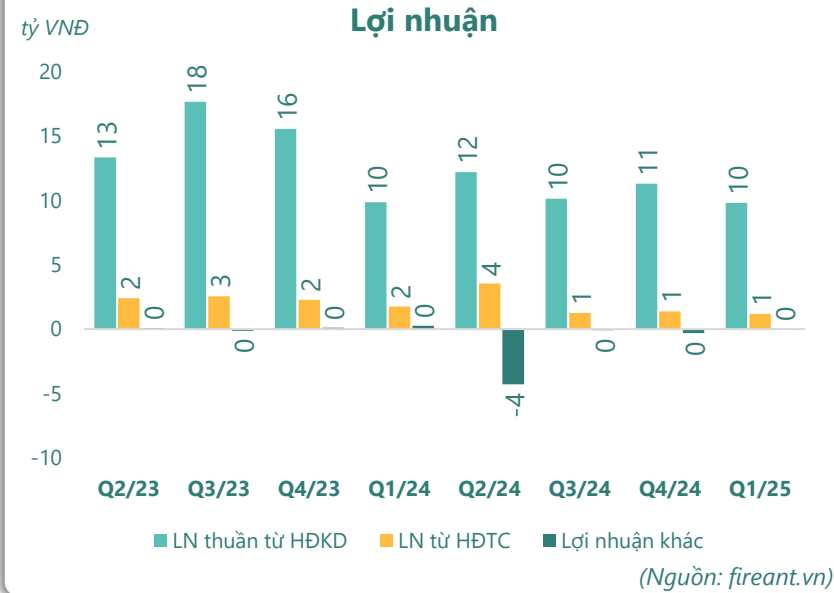
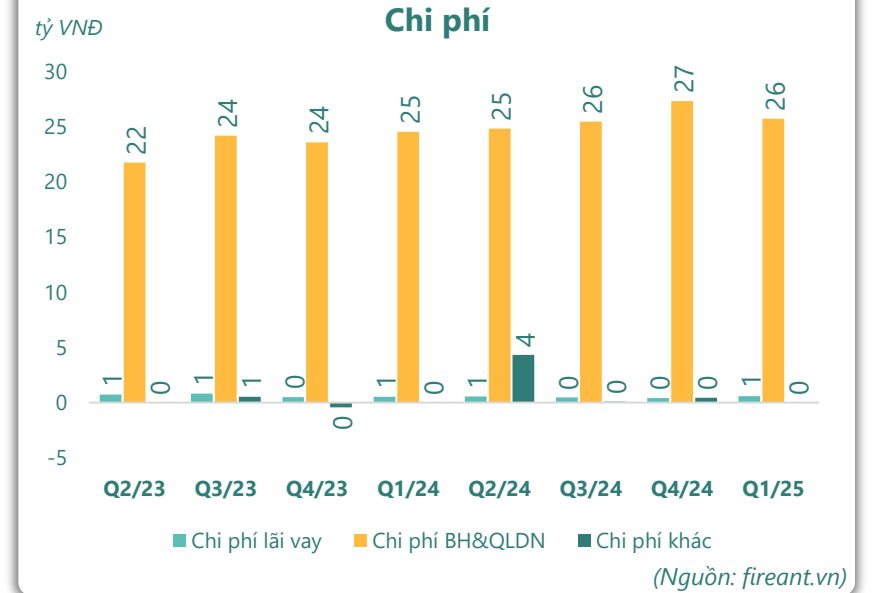
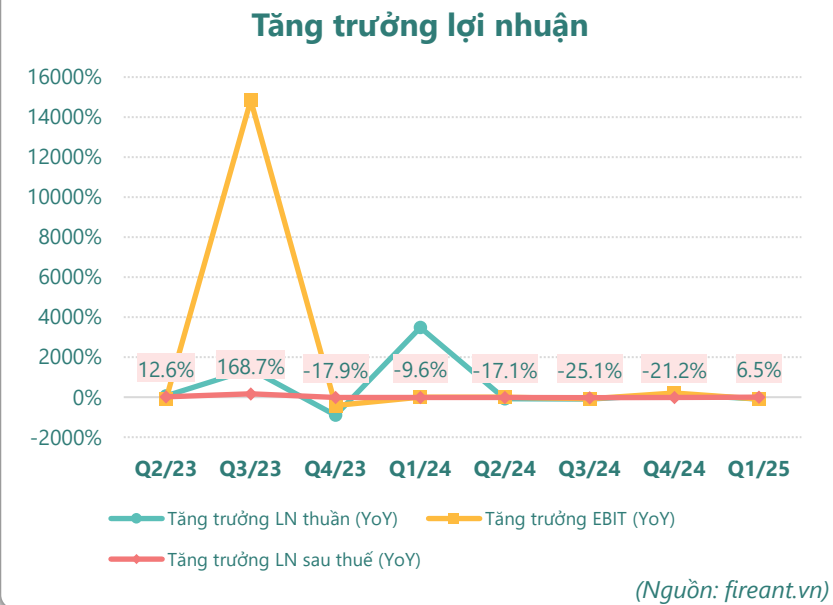
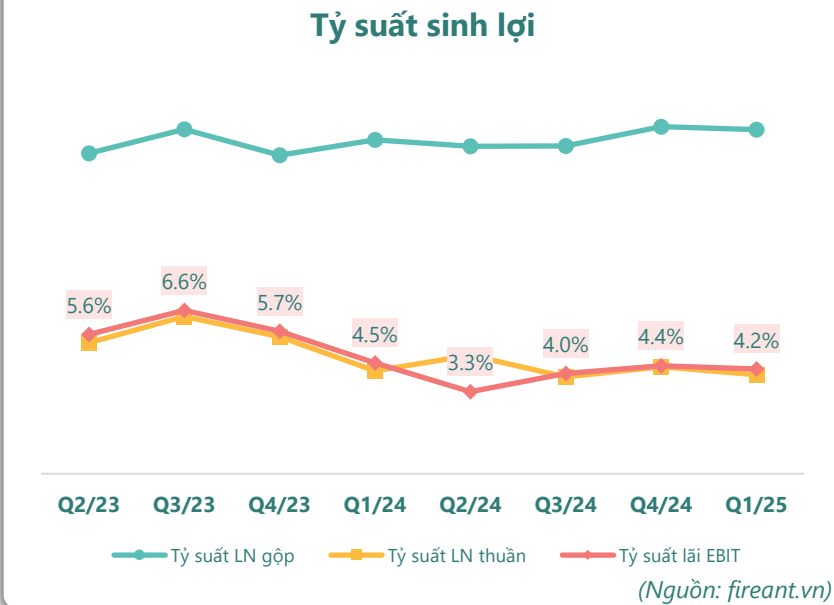
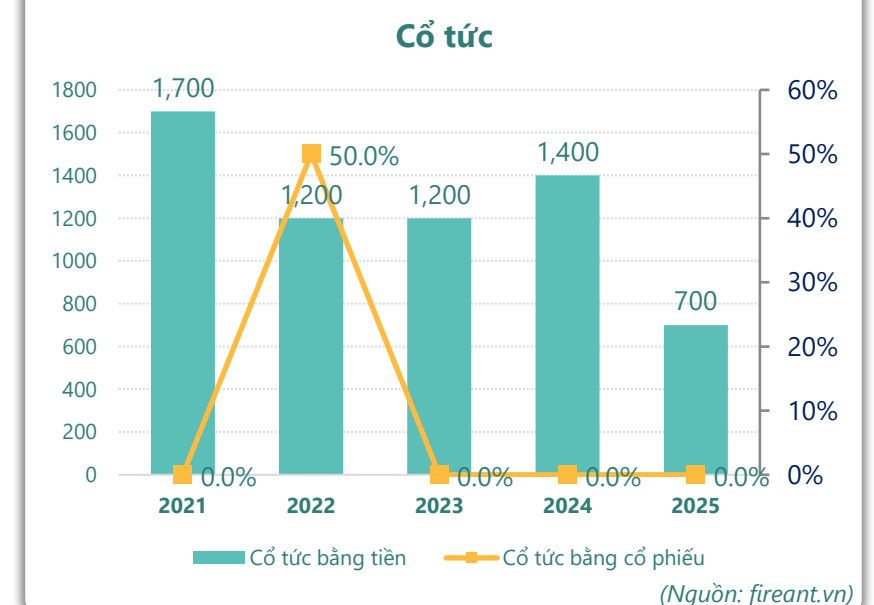
DT thuần 2024
1,015
tỷ VNĐ
YoY: ▼27.0 -2.6%

LN thuần 2024
43.5
tỷ VNĐ
YoY: ▼13.4 -23.6%

LN sau thuế 2024
30.7
tỷ VNĐ
YoY: ▼15.5 -33.6%



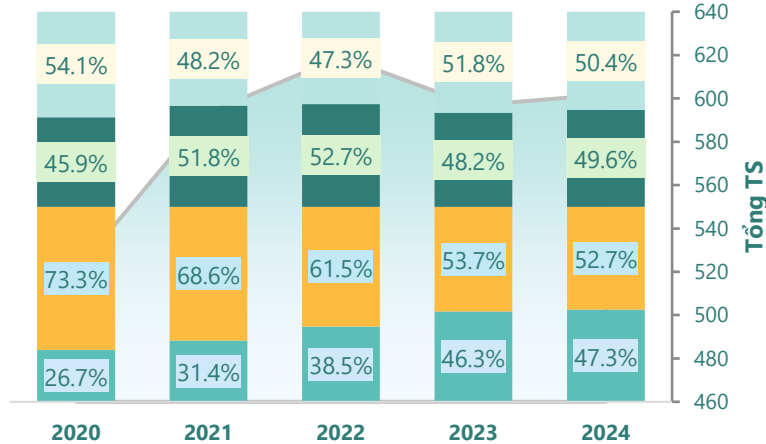
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

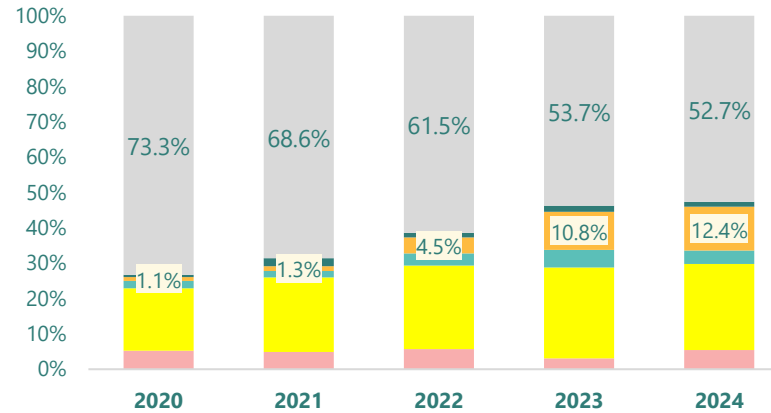
tỷ VNĐ



■ Tổng tài sản ■ TS ngắn hạn ■ TS dài hạn ■ Nợ phải trả ■ Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

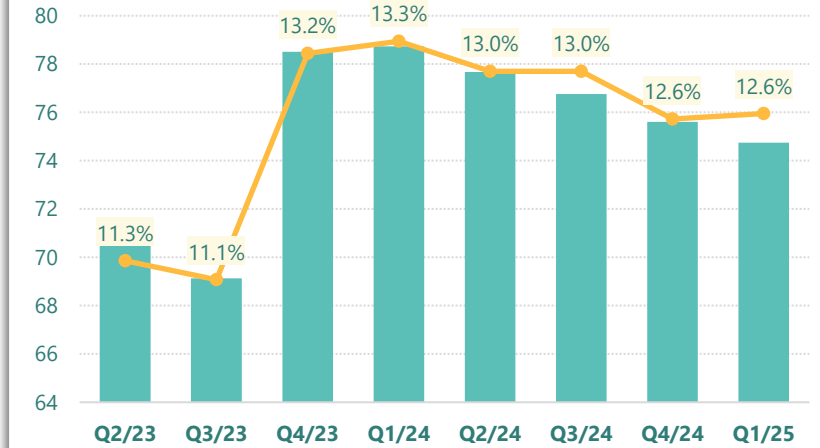


■ Tiền và TĐ tiền ■ Đầu tư TC ngắn hạn ■ Phải thu ngắn hạn ■ Hàng tồn kho ■ TSNH khác ■ TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

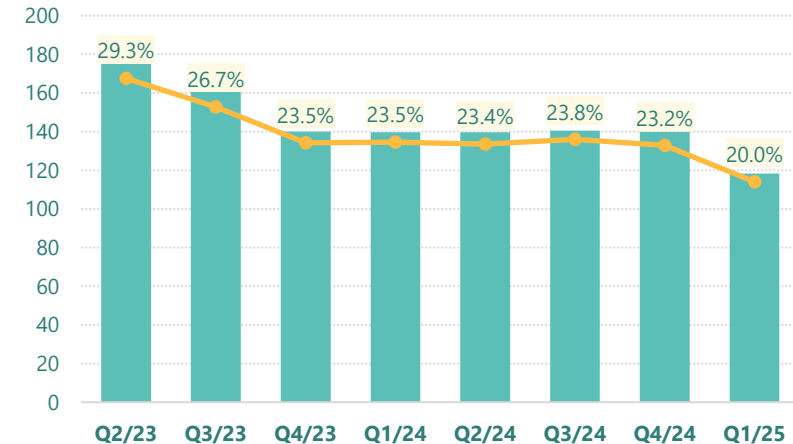


■ Tài sản cố định ■ TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

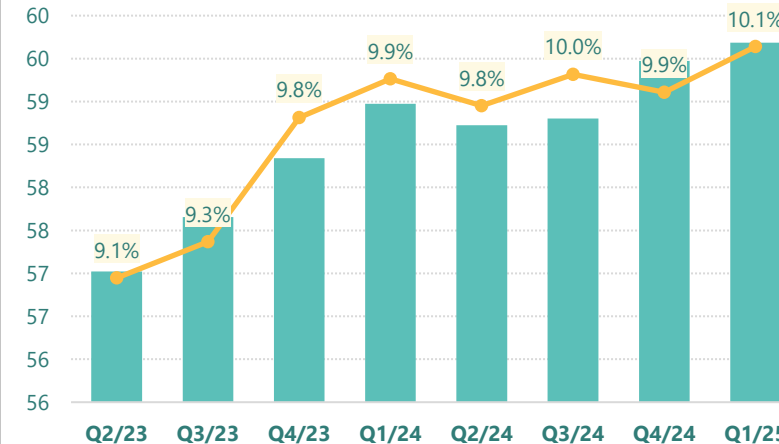


■ Tài sản dở dang ■ TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

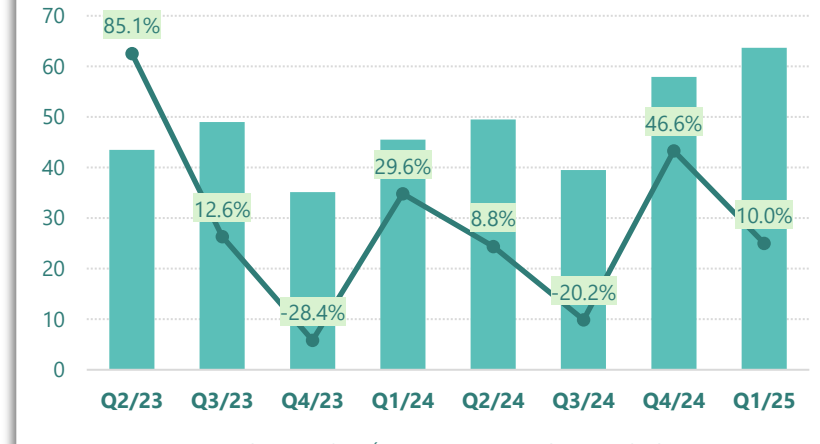


■ Đầu tư tài chính dài hạn ■ ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ



■ Vay và nợ thuê ngắn hạn ■ Vay và nợ thuê dài hạn

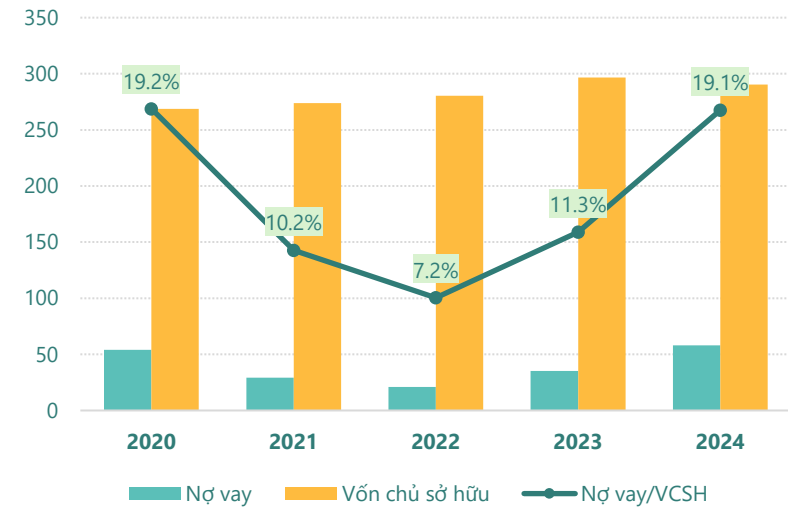
■ Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

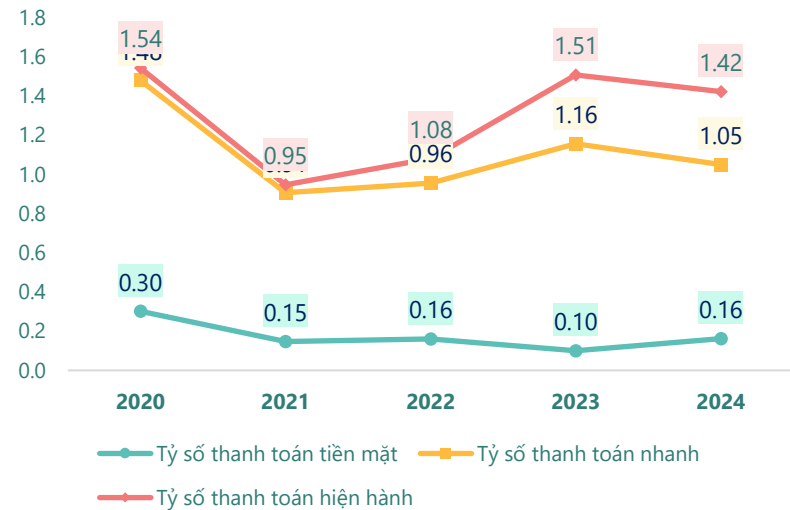
Nợ vay/VCSH

tỷ VNĐ



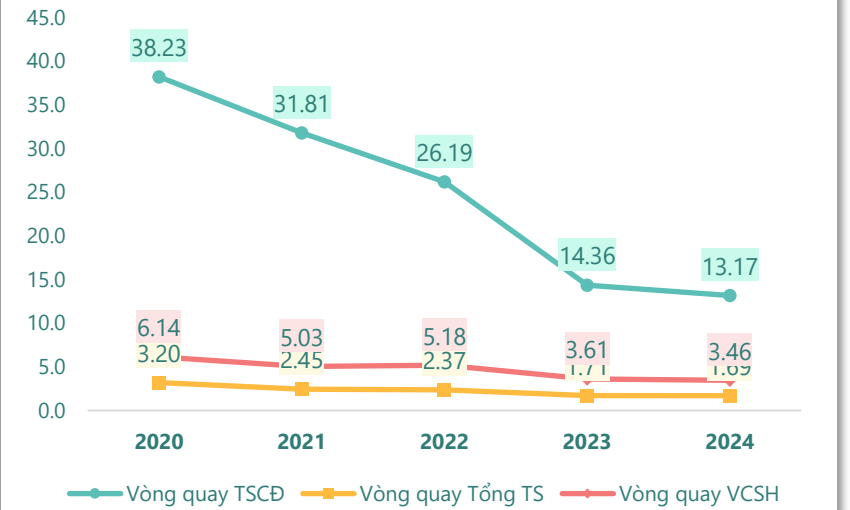
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



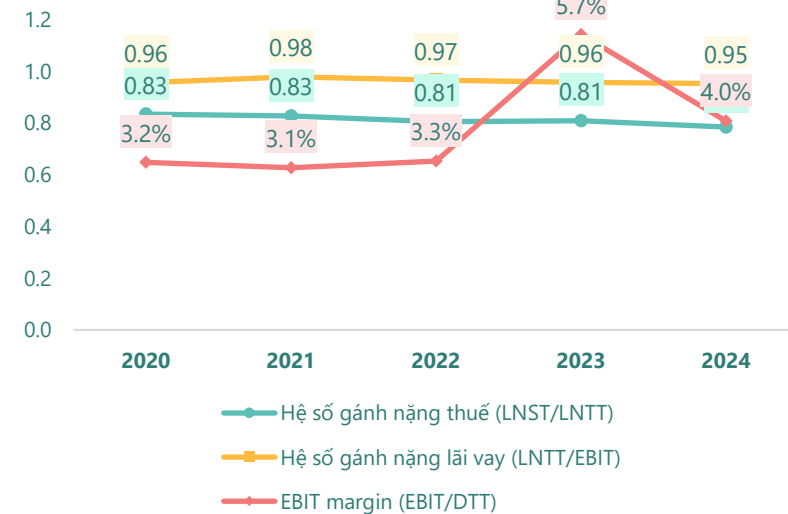
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



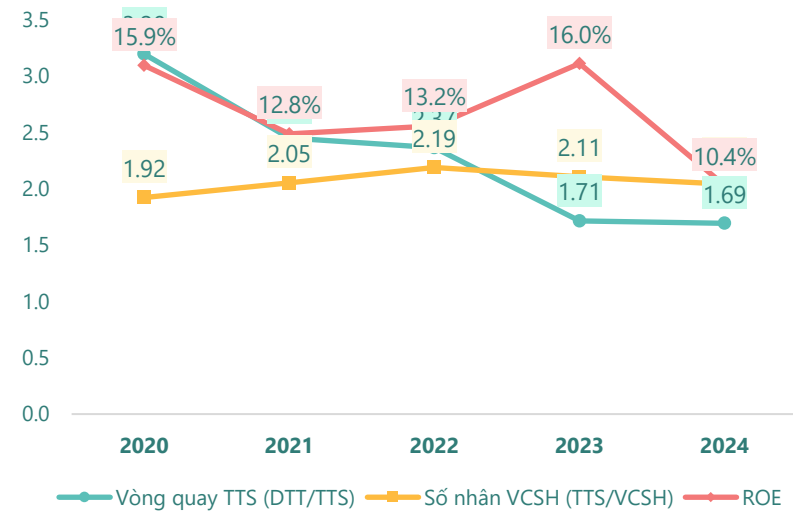
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



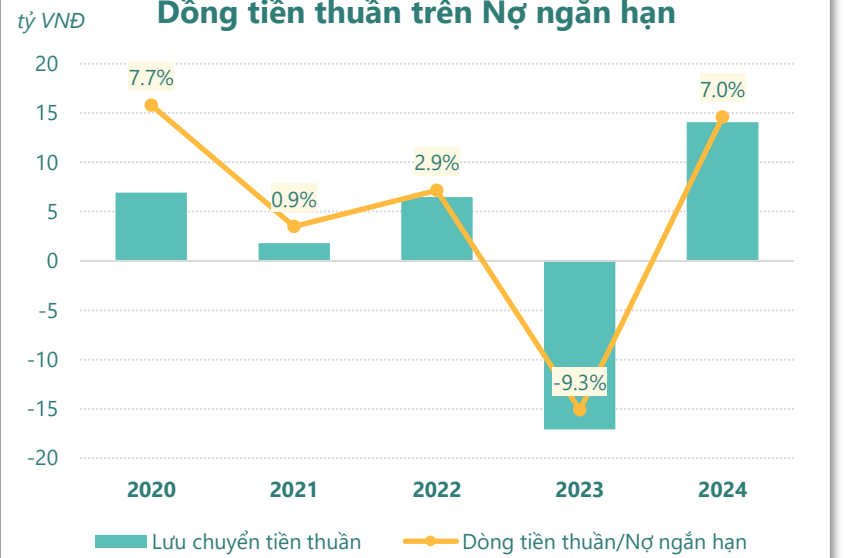
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)



KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	246	238	3.5%	1,015	1,042	-2.6%
Giá vốn hàng bán	212	206	3.0%	878	907	-3.2%
Lợi nhuận gộp	34.2	32.1	6.5%	137	135	1.4%
Doanh thu HĐTC	1.76	2.25	-21.7%	9.87	12.1	-18.1%
Chi phí TC	0.58	0.51	13.7%	1.94	2.52	-22.9%
Chi phí lãi vay	0.58	0.51	13.7%	1.94	2.52	-22.9%
LN trong công ty LKLD	0.21	0.64	-67.0%	1.14	2.04	-44.4%
Chi phí bán hàng	13.5	12.7	6.4%	55.3	43.9	26.0%
Chi phí QLDN	12.2	11.8	3.8%	47.0	45.6	3.0%
LN thuần từ HĐKD	9.83	9.87	-0.4%	43.5	56.9	-23.6%
Lợi nhuận khác	0.00	0.26	-99.5%	-4.45	0.08	-5561%
LN trước thuế	9.83	10.1	-2.7%	39.1	57.0	-31.5%
Lợi nhuận sau thuế	7.70	8.18	-5.9%	30.7	46.2	-33.6%
LNST của CĐ cty mẹ	7.70	8.18	-5.9%	30.7	46.2	-33.6%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	20.0	-10.6	6.00	11.9	1.62	-15.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-14.2	11.7	4.06	6.05	-5.77	5.35
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-18.8	2.47	-5.96	-17.9	10.4	0.82
Tiền đầu kỳ	31.4	18.4	22.0	26.1	26.1	18.4
Lưu chuyển tiền thuần	-13.1	3.62	4.10	0.05	6.30	-9.07
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	18.4	22.0	26.1	26.1	32.4	9.28

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	593	602	-1.5%
Tài sản ngắn hạn	297	285	4.3%
Tiền và tương đương tiền	23.4	32.4	-28.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	141	147	-4.1%
Phải thu ngắn hạn	26.4	23.1	13.9%
Hàng tồn kho	98.4	74.4	32.2%
Tài sản ngắn hạn khác	8.26	8.14	1.4%
Tài sản dài hạn	296	317	-6.8%
Phải thu dài hạn	7.61	7.25	5.0%
Tài sản cố định	74.7	75.6	-1.1%
Bất động sản đầu tư	21.1	21.4	-1.5%
Tài sản dở dang	118	140	-15.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	59.7	59.5	0.4%
Tài sản dài hạn khác	14.2	13.5	5.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	291	299	-2.7%
Nợ ngắn hạn	192	200	-4.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	63.7	57.9	10.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	15.9	15.4	3.4%
Nợ dài hạn	98.9	98.7	0.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	302	303	-0.4%
Vốn chủ sở hữu	289	291	-0.4%
Vốn điều lệ	165	165	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	12.5	12.5	0.0%

(Nguồn: fireant.vn)

